TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 676/2026/QĐST-HNGĐ	

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 604/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1.Bà **Nguyễn Thị H**, sinh ngày 01/01/1978; CCCD số 0366963778, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 23/11//2021; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn V K, xã K P, thành phố H N;

2. Ông **Vương Văn T**, sinh ngày 06/01/1973; CCCD số 001073045718, Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 27/12/2021; Nơi cư trú: Xóm 3, thôn V K, xã K P, thành phố H N;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/1996 tại UBND xã N H, huyện QO, thành phố H N (nay là xã K P, thành phố H N), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01.

Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục. Nay bà H và ông T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, tự nguyện thống nhất ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận ly hôn của bà H và ông T là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ công nhận.

*[2] **Về con chung:*** Bà H và ông T có 03 con chung là Vương Duy N, sinh ngày 02/02/1998; Vương Xuân T, sinh ngày 24/9/2002 và Vương Vân A, sinh ngày 19/02/2012. Anh Vương Duy N và chị Vương Xuân T đã thành niên, có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Vương Vân A, bà H và ông T thống nhất giao cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của bà H và ông T phù hợp với nguyện vọng của cháu Vương Vân A và bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con nên có căn cứ ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

[3] ***Về tài sản chung, nợ chung:*** Bà H và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] ***Về lệ phí:*** Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Văn T phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, bà H và ông T không thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Vương Văn T.

- Về con chung: Giao con chung **Vương Vân A,** sinh ngày 19/02/2012, cho ông Vương Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Vương Văn T không yêu cầu bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp đưỡng nuôi con cho bà H đến khi co yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Nguyễn Thị H và ông Vương Văn T phải chịu **300.000 đồng (**ba trăm nghìn đồng**)** lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **0005684 ngày 17/9/2026** của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 10 – Hà Nội;
- THADS TP Hà Nội;
- UBND xã Kiều Phú, Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Thủy